TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HÀNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 4 - 2019
"V*/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Đức Khánh;
+ Ông Lương Văn Dõi

Thư ký tòa án: Ông Trần Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST – DS ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị T, sinh năm: 1991; (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, thị trấn E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn*: Anh Trần Minh T1, sinh năm: 1989; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, thị trấn E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lâm Thị T, trình bày*: Chị và anh Trần Minh T1 kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 11/5/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện R. Sau một thời gian ngắn vợ chồng chung sống hạnh phúc thì anh T1 không lo làm ăn, thường xuyên tụ tạp bạn bè chơi cờ bạc không quan tâm, chăm sóc vợ con. Nay hạnh phúc vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn anh T1.

+ Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung, tên Trần Minh H, sinh ngày 11/10/2015; Trần Minh H1, sinh ngày 23/01/2018 hiện tại đang sống với chị T; khi ly hôn, chị T xin nuôi hai con yêu cầu anh T1 trợ cấp nuôi mỗi con 1.500.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Nợ chung: Không có.

- *Tại bản tự khai ngày 10/01/2019 anh Trần Minh T1 trình bày:* Anh T1 và chị T có kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyên R trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng hay cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh T1 không đồng ý.

+ Vợ chồng anh, chị có 02 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 11/10/2015; Trần Minh H1, sinh ngày 23/01/2018. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh T1 yêu cầu nuôi cháu Trần Minh H giao cháu Trần Minh H1 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có..

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị T.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Trần Minh T1.

- Giao hai con chung Trần Minh H, sinh ngày 11/10/2015; Trần Minh H1, sinh ngày 23/01/2018, cho chị T nuôi dưỡng giáo dục. Anh Trần Minh T1 chưa trợ cấp nuôi con.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Chị Lâm Thị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện R thụ lý, giải quyết yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị T và anh Trần Minh T1 tự nguyệt kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E vào năm 2015, theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình được UBND thị trấn cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử thấy chị T và anh T1 kết hôn năm 2015, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không chăm lo làm ăn, ít quan tâm đến gia đình. Từ tháng 10/2018 vợ chồng chị T anh T1 sống ly thân cho đến nay, Tòa án đã thông báo cho anh T1 đến tham gia buổi thông báo công khai chứng cứ và hòa giải anh T1 đã nhận được thông báo của Tòa án nhưng không đến tham dự. Nay chị T cương quyết yêu cầu ly hôn anh T1 nên Hội đồng xét xử thấy hạnh phúc giữa chị T anh T1 không còn nên cần cho chị T ly hôn với anh T1 để hai bên tạo lập cuộc sống mới, theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh, chị có với nhau 02 con chung, tên Trần Minh H, sinh ngày 11/10/2015; Trần Minh H1, sinh ngày 23/01/2018 hiện nay hai cháu đang sống với chị T. Xét thấy chị T yêu cầu được nuôi hai con, anh T1 yêu cầu nuôi cháu H nhưng theo biên bản làm việc ngày 02/01/2019 giữa Tòa án và Hội phụ nữ thị trấn E thì Hội phụ nữ thị trấn xác định anh T1 không lo làm ăn, ít quan tâm chăm sóc gia đình nên Hội đồng xét xử thấy cần giao hai cháu H, H1 cho chị T nuôi dưỡng giáo dục. Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh T1 trợ cấp nuôi hai con nên anh T1 tạm thời chưa phải trợ cấp nuôi con.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Theo qui định tại khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 56; Khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị T được ly hôn anh Trần Minh T1.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung Trần Minh H, sinh ngày 11/10/2015; Trần Minh H1, sinh ngày 23/01/2018; cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Minh T1 tạm thời không trợ cấp nuôi con.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004289 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Chị T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với anh T1 kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú, tại UBND xã nơi cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND thị trấn E;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam